

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán
Dự án: Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TNHH GỖ BFH THIÊN HƯNG

Căn cứ luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành: “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

- Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án: Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ;

- Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án: Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ;

- Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án: Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ

- Căn cứ kết quả thẩm tra số 08/BCTTr của Công ty TNHH tư vấn tổng hợp và xây dựng Hoàng Phúc ngày 17/08/2026 về việc thông báo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ,

- Xét tờ trình số 01/TTr-KHKT ngày 18/3/2026 của phòng KHKT công ty TNHH gỗ BFH Thiên Hưng về việc xin phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán, dự án Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán, dự án Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ với các nội dung chính sau:

1. Tên Dự án: Xưởng sản xuất ván ghép thanh và tinh chế gỗ.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH gỗ BFH Thiên Hưng.

3. Loại và cấp công trình:

- + Hạng mục nhà xưởng công nghiệp: Công trình công nghiệp cấp III;
- + Hạng mục đường giao thông: Công trình giao thông cấp IV;
- + Hạng mục hệ thống cấp điện: Công trình năng lượng cấp IV;
- + Hạng mục san nền, thoát nước, vỉa hè cây xanh, điện chiếu sáng và cấp nước: Công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp IV.

4. Nguồn vốn: Vốn khác.

5. Địa điểm xây dựng: Cụm CN Đồng Dinh, xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nhà thầu khảo sát thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình:

Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và ME BETA.

7. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

7.1. Khảo sát.

- TCVN 9398:2012” Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – yêu cầu chung”.
- TCVN 9363-2012: Khảo sát cho xây dựng – Khảo sát địa kỹ thuật cho nhà cao tầng.
- Tiêu chuẩn ngành: 96 TCN 43-90. Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/5000; (phần ngoài trời).
- Tiêu chuẩn ngành 96 TCN 42-90. Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/5000; 1/10000; 1/25000; (phần trong nhà).
- Khoan thăm dò địa chất công trình TCVN9437-2012.
- Các tiêu chuẩn quy trình quy phạm khác có liên quan.

7.2. Thiết kế

- Đường đô thị - yêu cầu thiết kế TCXDVN 13592:2022;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07:2023;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-05;
- Quyết định 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012 về ban hành quy định tạm thời về thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (Phần nút giao) 22TCN 273-01;
- Qui trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn (áp dụng cho thiết kế cống trên đường ô tô) 22TCN 18-79;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019 /BGTVT;
- Sơn tín hiệu giao thông – vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo – yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu TCVN 8791:2018;

- Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường;
- TCXDVN 13606-2023: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2023: Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế;
- Thiết bị chữa cháy – trụ nước chữa cháy – Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6379:1998;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018;
- Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia Cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô -Thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2023;
- Gạch ốp lát TCVN 6415:2016;
- TCXD 16-1986 – Chiếu sáng nhân tạo ở công trình dân dụng
- TCVN – 4474 1987 – Tiêu chuẩn thiết kế – Thoát nước bên trong công trình
- TCVN – 4513 – 1988 – Tiêu chuẩn thiết kế – Cấp nước bên trong công trình
- TCVN 5687 – 2024 – Yêu cầu thiết kế – Thông gió và điều hoà không khí
- TCVN 3890 – Yêu cầu lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy
- TCXDVN 5574-2018 – Tiêu chuẩn thiết kế – Kết cấu BT và BTCT
- TCXDVN 5575-2012 –Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 2737 – 2023 – Tiêu chuẩn thiết kế – Tải trọng và tác động
- TCXDVN 394-2007 – Phần an toàn – Thiết kế và lắp đặt trang thiết bị điện
- TCVN 4514 – 2012 – TC thiết kế – Xí nghiệp công nghiệp, tổng mặt bằng
- Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, Quảng trường, đô thị TCXDVN 259:2001;
- Và một số các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

8. Quy mô xây dựng, giải pháp thiết kế:

8.1. Quy mô công trình.

- Quy mô đầu tư: Xây dựng mới.
- Cấp công trình: Công trình công nghiệp cấp III; Công trình giao thông cấp IV; Công trình năng lượng cấp IV; Công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp IV.

8.2. Quy mô, giải pháp thiết kế hạng mục.

8.2.1. Xưởng tinh chế (Công trình cũ).

8.2.2. Xưởng cưa xẻ, nhà để xe, bể nước ngầm:

- Tổ hợp 3 hạng mục trên 1 diện tích 365.4m²;

Các giải pháp thiết kế công trình cụ thể như sau:

a. Giải pháp về mặt bằng tổng thể:

Việc quy hoạch mặt bằng tổng thể công trình được dựa trên cơ sở mặt bằng hiện trạng khu đất xây dựng, điều kiện tự nhiên khu vực, hiện trạng hạ tầng và hiện trạng công trình trong khu vực; Các hạng mục công trình được bố trí một cách hài hoà và khoa học trên mặt bằng tổng thể, nhằm đảm bảo giao thông, hợp lý về công

năng và cơ bản giải quyết được điều kiện vi khí hậu khu vực xây dựng nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng và mang tính bền vững cao. Trên cơ sở quy hoạch tổng mặt bằng công trình, hạng mục xưởng cưa xẻ, nhà để xe, bể nước ngầm được bố trí ở vị trí trung tâm hướng về phía đường giao thông và cổng ngõ, nằm đối diện xưởng tinh chế.

b. Giải pháp về kiến trúc:

- Mặt bằng nhà có chiều dài 31.5m, chiều rộng 11.6m;
- + Xưởng cưa xẻ kích thước 18.1x10, được xây kín tường gạch 3 mặt, mặt trước bằng vách tole và cửa tole,
- + Bể nước và nhà để xe có kích thước 13.6x11.6m, bể nước ngầm và 01 nhà bơm chiếm diện tích 4x5 (m²), phần còn lại là nhà để xe.

c. Giải pháp về hoàn thiện:

- + San nền đất K90;
- + Đệm cát dày 5cm;
- + Lớp nilong;
- + Nền Bê tông M250 đá 1x2 dày 15cm;
- + Cửa sắt + tole,
- + Vỉ kèo sắt tam giác: I200x100x8x10mm,
- + Mái lợp tole 0.45mm;
- + Tường xây gạch kín dày 15cm, sơn hoàn thiện,
- + Cột BTCT: trát, bả, sơn hoàn thiện.

d. Giải pháp về kết cấu:

d.1. Xưởng cưa xẻ, nhà để xe:

- Móng: kích thước (1.2x1.2)m, móng BTCT M250 đá 1x2, lớp bê tông lót M150 đá 1x2 dày 10cm; cổ móng BTCT kích thước 200x200, bê tông M250 đá 1x2,
- Giằng móng BTCT kích thước 200x300, M250 đá 1x2;
- Cột tường xây BTCT kích thước 200x200, bê tông M250 đá 1x2;
- Cột thép D90 dày 2mm liên kết với móng BTCT bằng 4 bulong neo M18 (5.6);
- Tường xây gạch dày 150, vữa M50 cao đến kín mái, sơn nước 3 lớp hoàn thiện;

- Nền: BTCT M250 đá 1x2 dày 15cm, lớp nilong chấm thấm nước, cát đệm dày 5cm, san nền K90;

- Mái: Vỉ kèo sắt tam giác: I200x100x8x10mm, tole lợp dày 0.45mm trên xà gồ C120x45x15x2.5 cách khoảng 992mm.

d.2. Bể nước ngầm:

- Nhà bơm được thiết kế có kích thước 4x5m, cao 3.8m, đặt trên nắp bể nước PCCC;

- Bể nước ngầm bằng BTCT, kích thước 9.4x4.2x2.1m được chôn ngầm hoàn toàn;

- Giải pháp thiết kế:

+ Móng BTCT M250 đá 1x2 dày 20cm 04 lớp sắt d10@150, lớp đá 4x6 dày 10cm, lớp cát dày 10cm;

+ Tường bể bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 20cm 04, 02 lớp sắt ngang d10 @150, 02 lớp sắt đứng d12 @150

+ Nắp bể BTCT M250 đá 1x2 dày 10cm,

+ Thành bể và đáy bể được quét chống thấm hoàn toàn.

+ Kết cấu nhà bơm: bố trí 4 trụ BTCT (200x200), tường xây gạch dày 15cm.

e. Giải pháp về chiếu sáng:

- Thiết kế chiếu sáng nhân tạo tuân thủ theo các quy định trong tiêu chuẩn hiện hành.

- Sử dụng nguồn điện 0.4kV từ mạng lưới phân phối của Nhà xưởng.

- Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà: Sử dụng bóng đèn tròn 100W.

f. Giải pháp về thông gió:

- Thông gió tự nhiên là chủ yếu qua cửa đi và hệ thống cửa sổ,

- Ngoài ra còn sử dụng biện pháp thông gió nhân tạo như dùng quạt trần, quạt đẩy công nghiệp...

g. Giải pháp về PCCC: theo phương án thiết kế PCCC được thẩm duyệt

8.2.3. Xưởng sấy:

- Diện tích xưởng sấy 147.5m²;

Các giải pháp thiết kế công trình cụ thể như sau:

e. Giải pháp về chiếu sáng:

- Thiết kế chiếu sáng nhân tạo tuân thủ theo các quy định trong tiêu chuẩn hiện hành.

- Sử dụng nguồn điện 0.4kV từ mạng lưới phân phối của Nhà xưởng.

- Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà: Sử dụng bóng đèn tròn 100W.

f. Giải pháp về PCCC: theo phương án thiết kế PCCC được thẩm duyệt

8.2.4. Nhà làm việc (Công trình cũ).

8.2.5. Nhà bảo vệ (Công trình cũ).

8.2.6. Tường rào (Công trình cũ).

8.2.7. San nền + giao thông:

Kết cấu mặt đường, san nền:

+ Lớp Bê tông M30 đá 1x2 dày 30cm, cắt khe 1x4, cách khoảng 5m.

+ Lớp nilong chống mất nước xi măng;

+ Lớp cấp phối đá dăm Dmax25, đầm chặt K98, dày 25cm ;

+ Lớp đất san nền đầm chặt K98;

8.2.8. Thoát nước mưa:

- Thoát nước cho Xưởng: mương B400, thành mương bằng bê tông M250 đá 1x2 dày 15cm, đáy mương BT dày 15cm trên BT lót móng bằng bê tông M150 đá 1x2 dày 5cm.

- Hồ ga kích thước 700x700, thân móng hồ ga bằng bê tông M250 đá 1x2 dày 15cm, lót móng bằng bê tông M150 đá 1x2 dày 5cm.

- Tấm đan đáy hồ hồ ga, mương BTCT M250 đá 1x2.

- Mương B400 đầu nối ra hệ thống thoát nước mưa chung của Cụm công nghiệp.

8.2.9. Thoát nước thải:

Từ hầm tự hoại, phễu thu sàn đầu nối ra mương B400 bằng ống PVC D200

8.2.10. Cấp điện chiếu sáng:

Điện chiếu dung đèn pha 110W, lắp đặt trên vách tường cửa các hệ thống nhà xưởng đủ cung cấp ánh sáng cho sân nền và đường giao thông.

8.2.11. Cấp điện:

* Phần đường dây 0,4kV:

- Xây dựng mới đường dây 0,4kV đi ngầm đầu nối vào áp tô mát xuất tuyến tại tủ điện hạ thế thuộc trạm biến áp Nhà máy xây dựng mới để cấp điện cho toàn bộ khu vực nhà máy với tổng chiều dài tuyến là 269,2 mét.

- Dây dẫn: Dùng cáp vện xoắn XPLE (3x150+1x70)mm²-600V.

9. Giá trị tổng dự toán dự án:

Tổng giá trị dự toán xây dựng : **8.381.082.000 đồng**

(Bằng chữ: Tám tỷ, ba trăm tám mươi một triệu, không trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	3.522.801.000	Đồng
- Chi phí thiết bị	2.750.000.000	Đồng
- Chi phí quản lý dự án	196.909.000	Đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	622.122.000	Đồng
- Chi phí khác	789.250.000	Đồng
- Chi phí dự phòng	500.000.000	Đồng

Điều 2. Quyết định này là căn cứ để công ty TNHH gỗ BFH Thiên Hưng tổ chức thực hiện quản lý các hạng mục, chi phí dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và plastic và triển khai các bước tiếp theo, theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc, Trưởng các bộ phận thuộc công ty TNHH gỗ BFH Thiên Hưng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Vũ Diễm Khuyên